

# CÁC LOÀI RÙA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Huỳnh Thu Hòa, Bùi Tấn Anh và Ngô Thanh Phong<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*Turtle, a group of special body form animals, is the subject of hunting and at urgently risk of extinction. The sampling collections of freshwater turtles in the Mekong delta were carried out three times enable to collect, identify and classify six species belong to three families (Emydidae, Trionychidae, and Testudinidae) of the Turtle Order (Testudinata).*

**Keywords:** *Turtle, sample collection, identification, description*

**Title:** *Turtle species in Mekong Delta*

## TÓM TẮT

*Rùa thuộc nhóm động vật có cấu tạo cơ thể đặc biệt, là đối tượng săn bắt ráo riết và đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Ba đợt thu mẫu các loài Rùa nước ngọt tại đồng bằng sông Cửu Long cho phép thu thập, định danh và mô tả được 6 loài Rùa thuộc 3 họ (Emydidae, Testudinidae và Trionychidae) của bộ Rùa (Testudinata).*

**Từ khóa:** *Rùa, thu mẫu, định danh, mô tả*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất bằng phẳng, nhiều sông rạch và nhiều vùng ngập nước. Điều kiện tự nhiên này tạo thuận lợi cho sự phát triển của nhiều loài sinh vật thủy sinh. Cá, tôm, rắn, rùa, chim nước... là những động vật có chủng loại và số lượng đa dạng và phong phú ở vùng này.

Trong các nhóm sinh vật trên, các loài Rùa là những động vật được quan tâm của nhiều người về các giá trị không những về dinh dưỡng, dược liệu, kinh tế, mà còn về văn hoá, phong tục và tín ngưỡng nữa. Chính vì các nhu cầu nhiều mặt này mà các loài rùa đang phải chịu nhiều nguy cơ tuyệt chủng ở nhiều nơi, kể cả ở vùng ĐBSCL. Cho nên việc thu mẫu và định danh các loài rùa là cần thiết cho khoa học và giữ gìn các giá trị khác của chúng.

Từ năm 1941, nhà khoa học người Pháp tên là Bourret đã xuất bản một tài liệu công phu về các loài Rùa, đã định danh được 35 loài Rùa (biển và đất liền) của 5 nước Đông Dương (Miền Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam) (Bourret, 1941). Từ đó đến nay, chưa có công trình khoa học đầy đủ nào về các loài Rùa ở nước ta.

Mục tiêu của đề tài này là sưu tập, định danh các loài rùa nước ngọt ở vùng ĐBSCL nhằm cung cấp tài liệu cơ sở cho việc nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học.

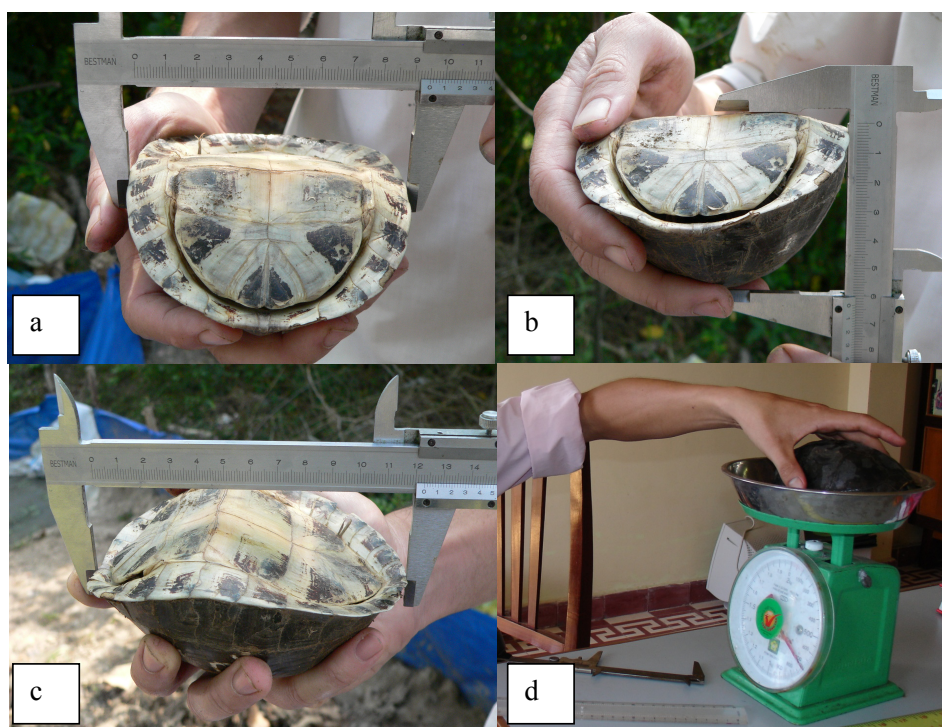
<sup>1</sup> Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

## 2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã thực hiện 3 chuyến thu mẫu tại các tỉnh ở ĐBSCL. Tại các điểm thu mẫu, chúng tôi ghi nhận số lượng, kích thước (độ tuổi), chủng loại và nơi cung cấp rùa. Ghi nhận các đặc điểm về tình trạng sức khỏe của rùa (sự linh hoạt, các dấu hiệu của bệnh như ghẻ, đốm trên thân rùa). Đặc biệt chúng tôi tìm hiểu về nguồn cung cấp rùa như địa phương cung cấp, môi trường sống (ao mương, ruộng, đồng cỏ, rừng...) và phương tiện đánh bắt (lờ, lợp, lưới, rả điện...). Cần phải nói ngay rằng việc thu mua rùa và tìm hiểu các thông tin liên quan là rất khó khăn vì sự dè dặt, lo sợ của người bán rùa. Vì nhiều loài rùa là mặt hàng cấm, nhiều người đã bị tịch thu rùa (và rấn), nên chúng tôi đã phải cẩn thận và khéo léo tạo niềm tin cho các chủ vựa và người cung cấp rùa cho chúng tôi.

Phương tiện: cân đồng hồ, thước kẹp, máy chụp hình, khóa phân loại rùa của Bourret (1941).

Phương pháp định danh rùa: Rùa thu mua được đem về phòng thí nghiệm Sinh học, khoa Khoa học Tự nhiên, Đại học Cần Thơ. Trọng lượng rùa, kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều cao của mai) được cân đo.



**Hình 1: Đo chiều ngang (a), chiều cao (b), chiều dài (c) và cân rùa (d)**

Sử dụng khóa phân loại Rùa Đông Dương của Bourret (1941) để định danh Rùa. Sau đó Rùa được thả nuôi trong ao của vườn Sinh vật khoa Khoa học Tự nhiên, khu 2 Đại học Cần Thơ. Ao có chiều dài 6m, ngang 5m, nước sâu khoảng 1m. Thức ăn cho Rùa là rau muống, cá mòi (Chép, Rô Phi, Trắm cỏ) sống, ốc bươu sống với lượng đầy đủ.



### 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1 Phân loại Rùa

Đã thu mua được 80 con Rùa các loại với kích thước khác nhau. Sau khi tiến hành cân đo và phân loại, chúng tôi xác định có 6 loài thuộc 3 họ Rùa tại vùng ĐBSCL (Bảng 1).

**Bảng 1: Các loài Rùa nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long.**

STT	Tên loài	Tên khoa học	Họ
1	Rùa nắp (Rùa hộp lưng đen)	<i>Cuora amboinensis</i> Daudin	Emydidae
2	Rùa vàng (Rùa ba gờ)	<i>Damonia subtrijura</i> Schlegel & Muller	Emydidae
3	Rùa răng (Càng đước)	<i>Hieremys annandali</i> Boulenger	Emydidae
4	Rùa sen (Rùa quạ)	<i>Siebenrockiella crassicollis</i> Gray	Emydidae
5	Rùa núi vàng (Qui)	<i>Testudo elongata</i> Blyth	Testudinidae
6	Cua đinh (Ba ba Nam bộ)	<i>Trionyx cartilagineus</i> Boddaert	Trionychidae

#### 3.2 Bảng phân loại thực địa các loài Rùa

Dựa vào các đặc điểm hình thái, bảng phân loại thực địa (trực quan) các loài Rùa ở ĐBSCL được thiết lập. Bảng phân loại này cho phép xác định nhanh tên các loài Rùa dựa vào hình dạng, màu sắc của mai, yếm và hàm của Rùa.

- 1 - Mai mềm .....Cua đinh (Ba ba Nam Bộ)
- Mai cứng ..... 2
- 2 - Yếm có bản lề để đẩy kín thân ..... Rùa nắp (Rùa hộp lưng đen)
- Yếm không có bản lề ..... 3
- 3 - Hàm khép lại thành hình răng cưa ..... Rùa răng (Càng đước)
- Hàm khép không thành hình răng cưa ..... 4
- 4 - Mai có rìa hình răng cưa ..... Rùa sen = Rùa quạ
- Mai không rìa hình răng cưa ..... 5
- 5 - Mai và yếm màu vàng lợt có đốm đen .....Rùa núi vàng (Qui)
- Mai nâu đen, yếm vàng có đốm đen ..... Rùa vàng (Rùa ba gờ)

#### 3.3 Mô tả các loài Rùa

##### 3.3.1 Rùa nắp (*Cuora amboinensis* Daudin)

Rùa nắp hay Rùa ruộng sống trong các ao, đầm, ruộng lúa ngập nước. Chúng ăn thực vật là chủ yếu.

Mai hình tròn với gờ giữa lưng nổi rõ và 2 gờ bên mỏng ở cá thể trẻ. Ở Rùa trưởng thành mai hình bầu dục dài và nhô cao, chỉ còn một gờ giữa lưng không rõ. Bờ của mai nhẵn, tấm khiên (vảy sừng) gáy nhỏ, tấm khiên sống lưng thứ nhất rộng phía sau hơn phía trước, tấm khiên sống lưng thứ 2 và 3 có chiều có chiều dài và chiều ngang tương đương nhau, và rất nhỏ hơn các tấm khiên sườn. Yếm có 2 thùy nổi nhau bằng bản lề; cầu nối giữa mai và yếm không rõ ràng.

Đầu trung bình; mõm dài bằng ổ mắt, hơi vượt hàm dưới; hàm trên có móc hơi nhọn. Da phía sau đầu nhẵn. Các chi có vẩy rộng bề ngang, lợp lên nhau. Đuôi ngắn.

Mai màu nâu đen, yếm màu trắng vàng với các đốm đen ở bìa của mỗi tấm khiên. Các đường nối các tấm khiên màu vàng, đôi khi nâu.

Đầu màu nâu sậm hoặc trên màu lục, dưới màu vàng. Có một dải màu vàng tươi chạy từ đỉnh đầu đến lỗ mũi; một dải khác chạy ngang mắt đến cạnh hàm; một dải thứ ba bao quanh hàm. Chi trước 5 ngón, chi sau 4 ngón màu vàng xanh (Hình 2).



Hình 2: Rùa nắp

### 3.3.2 Rùa vàng (*Damonina subtrijura* Schlegel & Muller)

Rùa vàng còn được gọi là Rùa ruộng, thường sống trong kinh, rạch nước chảy chậm, đầm lầy, ruộng ao, ruộng. Rùa vàng ăn động vật, nhất là ốc và giun.

Chiều dài thân đến 214 mm, ngang đến 163 mm, cao đến 91 mm. Rùa vàng có mai đẹp; có 3 gờ nổi rõ; tấm khiên gáy trung bình, tấm khiên sống lưng thứ nhất có chiều dài dài hơn chiều ngang; các tấm khiên sống lưng 2,3, và 4 có chiều ngang hơn chiều dài, và đều nhỏ hơn các tấm khiên sườn. Yếm dài bằng mai, gấp cạnh bên, cong phía trước.

Đầu Rùa vàng lớn, mõm nhọn và dài như tròng mắt; hàm trên lõm ở giữa; da sau đầu chia thành nhiều tấm khiên. Phía trên đầu nâu nhạt, có một sọc vàng trên cạnh đi ngang phía trên mắt và thái dương, một sọc khác chạy dưới mắt đến khóe miệng, có 2 - 4 sọc đứng dưới lỗ mũi, một đốm vàng ở mỗi bên cằm, cổ có các đường kẻ màu vàng.

Chi trước 5 ngón và chi sau 4 ngón có vẩy. Đuôi rất ngắn.

Mai màu nâu với các đường kẻ sáng tối. Yếm vàng, tấm khiên có các đốm nâu đậm (Hình 3).



**Hình 3: Rùa vàng**

### 3.3.3 Càng đước = Rùa răng (*Hieremys annandali* Boulenger)

Mai chỉ có một gờ, dài và nhô cao. Tấm khiên gáy trung bình, rộng về phía sau. Có 5 tấm khiên sống lưng, trong đó 4 khiên trước có chiều dài bằng chiều ngang nơi cá thể trưởng thành. Các tấm khiên sống lưng đều nhỏ hơn các tấm khiên sườn. Yếm dài gần bằng mai, thùy sau của mai dài hơn cầu nối, lõm phía dưới.

Đầu trung bình; mõm ngắn hơn ổ mắt, hơi vượt hơn hàm dưới. Bờ của hàm có hình răng cưa rõ rệt, hàm trên có một lõm giữa sâu và hai bên có lõm nhỏ hơn tương ứng với 3 mấu của hàm dưới, nhìn có hình răng cưa (nên có tên Rùa răng). Da sau đầu không phân chia. Các chi với vẩy lớn tạo thành hàng. Đuôi rất ngắn.

Phía trên của mai có màu nâu sậm hay đen; yếm màu vàng. Mỗi tấm khiên của yếm có đốm đen lớn có thể che kín khiên làm cho yếm có màu đen. Phần mềm của yếm có màu xanh hay xám.

Đầu rùa trưởng thành màu nâu có các viền vàng xanh. Hàm màu xanh hay vàng.

Đây là loại Rùa có kích thước lớn nhất ở vùng nước ngọt ĐBSCL. Chiều dài đến 465 mm, ngang đến 310 mm, cao đến 175 mm.



Rùa rãng sống trong đầm lầy và kinh rạch nước ngọt, lợ, đến cửa sông, ăn thực vật thủy sinh và trái cây. Chúng tỏ ra hung tợn, sẵn sàng xòe móng và phát ra tiếng "khè khè" đe dọa khi bị tấn công (Hình 4).



Hình 4: Rùa rãng = Càng đước

### 3.3.4 Rùa núi vàng = Qui (*Testudo elongata* Blyth)

Rùa núi còn gọi là qui có mai nhô và dài. Tấm khiên gáy dài và hẹp, tấm khiên sống lưng thứ nhất có chiều dài bằng chiều ngang; các tấm khiên sống lưng 2,3 và 4 có chiều ngang lớn hơn chiều dài và tương đương với các tấm khiên sườn. Yếm lớn, đường nối giữa các tấm khiên bụng dài nhất.

Đầu trung bình; hàm trên chia thành 3 răng. Chi trước có các vẩy nhọn lợp nhau, gót chi có vẩy phẳng lớn. Đuôi tận cùng bằng một u hóa sừng.

Mai và yếm màu vàng, mỗi tấm khiên có một đốm đen nguyên hay chia nhỏ. Đầu vàng lợt; chi vàng sậm có các đốm nhỏ.

Thân dài đến 275 mm, ngang đến 165 mm, cao đến 105 mm.

Rùa núi ăn cỏ và trái cây, ưa những hốc kín đáo, ít cử động trong mùa khô (Hình 5).



Hình 5: Rùa núi = Qui

### 3.3.5 Cua đĩnh = Ba ba Nam bộ (*Trionyx cartilagineus* Boddaert)

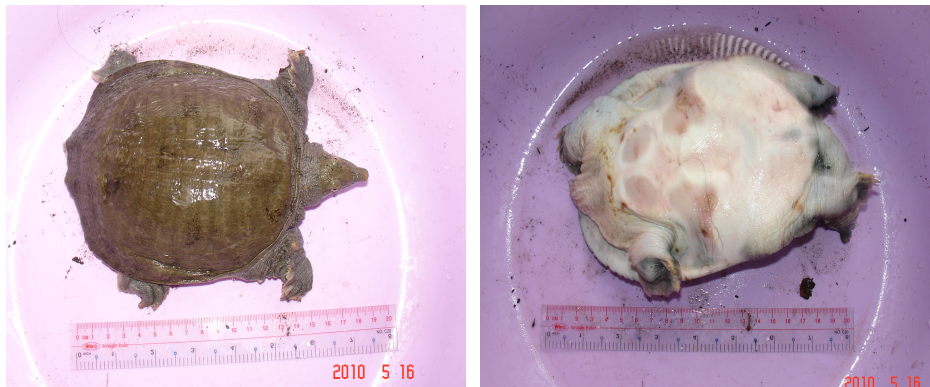
Cua đĩnh là loài Rùa mai mềm đặc sắc của Nam Bộ. Mai phủ da màu lục đen, không có các tấm khiên tạo thành một tấm nguyên, gọi là đĩa lưng. Yếm hay đĩa bụng, màu trắng ở con đực, xám ở con cái.

Đầu trung bình; mõm dài hơn ổ mắt, kéo dài thành vòi linh hoạt. Cổ rất dài, có thể vươn ra để mõm chạm đến đuôi. Mắt tròn, nhỏ.

Các chi dẹp hình mái chèo; chi trước có 3 móng, chi sau 4 móng. Phía lưng các chi có các màng da mỏng giúp con vật bơi lội nhanh.

Cua đĩnh sống trong kinh rạch, ao mương; ăn động vật. Chúng khá hung dữ, nhanh nhẹn, hay cắn người bắt chúng (Hình 6).





**Hình 6: Cua đĩnh = Ba ba nam Bộ**

### 3.3.6 Rùa sen = Rùa quạ (*Siebenrockiella crassicollis* Gray)

Mai đẹp, có 3 gờ ở các thềm trề, cá thể trưởng thành chỉ còn một gờ giữa lưng. Bờ sau của mai có hình răng cưa. Tấm khiên gáy nhỏ, rộng về phía sau. Tấm khiên sống lưng thứ nhất dài, phía trước lớn hơn phía sau. Các tấm khiên sống lưng thứ 2, 3 và 4 có chiều rộng hơn chiều dài, tất cả đều nhỏ hơn các tấm khiên sườn. Yếm nhỏ hơn cửa của mai.

Đầu khá lớn, màu hơi đen; mõm dài hơn ổ mắt.

Phía trên mai màu đen hay nâu sậm; yếm vàng đen hay đen.

Chiều dài đến 170 mm, ngang đến 130 mm, cao đến 70 mm.

Rùa sen sống trong ao, đầm; ăn sò ốc, giun và động vật khác (Hình 7).



Hình 7: Rùa sen = Rùa quạ

Trong sáu loài Rùa ở vùng ĐBSCL được định danh và mô tả trong nghiên cứu này, có 5 loài được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam 2007. Các loài được xếp vào nhóm nguy cấp (EN = Endangered) gồm Càng đước (*Hieremys annandali* Boulenger), Rùa núi vàng (*Testudo elongata* Blyth). Nhóm sắp nguy cấp (VU = Vulnerable) gồm Rùa nấp (*Cuora amboinensis* Daudin), Cua đinh (*Trionyx cartilagineus* Boddaert) và Rùa vàng (*Damonina subtrijura* Schlegel & Muller) (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007).

#### 4 KẾT LUẬN

Nghiên cứu này phân loại và mô tả hình thái sáu loài Rùa nước ngọt thuộc 3 Họ của bộ Rùa ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm trong sáu loài Rùa này thuộc nhóm nguy cấp hay sắp nguy cấp, cần được bảo vệ và nhân nuôi để bảo tồn đa dạng sinh học của nước ta.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách đỏ Việt Nam. Phần I. Động vật. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
- Bourret R. 1941. Les Tortues de l'Indochine. Institut océanographique de l'Indochine.
- Whitfield P. 1984. Longman Illustrated Animal Encyclopedia. Guild Publishing London.